

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 1334/2017/QĐST- HNGĐ

Gò Vấp, ngày 18 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1186/2017/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Ông Võ Hữu D – sinh năm: 1969; địa chỉ cư trú: Số 120/1/10 Đường Q, Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Mai Thị Mỹ K – sinh năm: 1979; địa chỉ cư trú: Số 120/1/10 Đường Q, Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 ;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/9/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Võ Hữu D

Bà Mai Thị Mỹ K

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Võ Hữu D và bà Mai Thị Mỹ K thuận tình ly hôn. Chấm dứt quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 93/2012 quyền số 01 ngày 14/12/2004 do Ủy ban nhân dân xã Tiên Mỹ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam cấp.

- Về con chung: Giao cho bà K có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Mai Nhật L, sinh ngày 19/9/2005 và Võ Mai Quỳnh N, sinh ngày 07/4/2011 đến tuổi trưởng thành. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng /01tháng/02 trẻ cho đến khi 02 trẻ trưởng thành. Ông D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng hai bên tự thực hiện. Nếu đến hạn Ông D không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bà K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu Ông D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì Ông D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Hai bên xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Hai bên xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 150.000 đồng do Ông D tự nguyện chịu, Ông D phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng mà Ông D đã tạm nộp theo biên lai thu số 0027373 ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- THADSQGV;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

Phạm Thị Hương